

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI T-H TÂN PHÚ THÀNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI T-H TÂN PHÚ THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN PHU THANH T-H PRODUCTION AND TRADE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TAN PHU THANH T-H CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109303700

3. Ngày thành lập: 13/08/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 36 ngõ 107 Thúy Lĩnh, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0967222519

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811(Chính)
2.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
3.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
4.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
5.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
6.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
7.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
8.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
9.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
10.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
11.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
12.	Sản xuất máy luyện kim	2823
13.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
14.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
15.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
16.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
17.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
18.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
19.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
20.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

21.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
22.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
23.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
24.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
25.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
26.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
27.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
28.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
29.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép	4662
30.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
31.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
32.	Bán buôn tổng hợp	4690
33.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
34.	Cho thuê xe có động cơ	7710
35.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
36.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
37.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
38.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
39.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
40.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
41.	Phá dỡ	4311
42.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
43.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
44.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
45.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
46.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
47.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định của Luật đấu giá tài sản)	4530
48.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
49.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
50.	Xây dựng nhà để ở	4101
51.	Xây dựng nhà không để ở	4102
52.	Xây dựng công trình thủy	4291
53.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292

54.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
55.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
56.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
57.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô Điều 9 Nghị định số: 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020	4933
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ DUY TRIỀU	Xóm Đức Xuân, Xã Tiến Thủy, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	5.400.000.000	60,000	182433856	
2	HỒ THỊ HÀ	Xóm Đức Xuân, Xã Tiến Thủy, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	3.600.000.000	40,000	186150315	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ DUY TRIỀU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/02/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 182433856

Ngày cấp: 14/02/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đức Xuân, Xã Tiến Thủy, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 1 I, ngách 193/101 phố Nam Dư, Phường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội